

**Tháng 01**

**Số 04 (01/01/2009)**

## **MỤC LỤC**

<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>THÀNH PHỐ</b>		
06-12-2008	Quyết định số 5302/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 12, quận 6.	3
06-12-2008	Quyết định số 5303/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 13, quận 6.	11
06-12-2008	Quyết định số 5304/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 14, quận 6.	19
06-12-2008	Quyết định số 5306/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Tân Quy - khu B, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.	27

**QUẬN 5**

- 09-12-2008 - Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định trình tự và thủ tục cung cấp thông tin quy hoạch - kiến trúc đối với các dự án nhà ở trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn quận 5. 36

**QUẬN 8**

- 16-12-2008 - Chỉ thị số 07/2008/CT-UBND về tổ chức đón Tết Nguyên đán Kỷ Sửu 2009. 43

---

---

**THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5302/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH****Về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010  
và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010)  
của phường 12, quận 6**

---

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 6 tại Tờ trình số 2799/TTr-UBND-TNMT ngày 13 tháng 10 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9058/TTr-TNMT-KH ngày 05 tháng 11 năm 2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 12, quận 6 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>73,12</b>	<b>100,00</b>	<b>73,12</b>	<b>100,00</b>
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	73,12	100,00	73,12	100,00
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>40,38</b>	<b>55,22</b>	<b>41,05</b>	<b>56,14</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	40,38	100,00	41,05	100,00
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>30,98</b>	<b>42,37</b>	<b>30,31</b>	<b>41,45</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,35	1,13	0,33	1,09
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,03	0,10	0,04	0,13
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	13,01	41,99	8,55	28,20
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	13,01	100,00	8,55	100,00
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX				
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	17,59	56,78	21,39	70,58
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	15,76	89,60	17,29	80,82
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL				
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	0,02	0,11	0,02	0,09
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,13	0,74	0,68	3,16
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,13	0,74	0,03	0,13

2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,13	6,42	2,63	12,28
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,33	1,88	0,33	1,54
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,06	0,34	0,39	1,83
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	0,03	0,17	0,03	0,14
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC				
<b>2.3</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	<b>1,29</b>	<b>1,76</b>	<b>1,29</b>	<b>1,76</b>
<b>2.4</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	<b>0,02</b>	<b>0,03</b>	<b>0,02</b>	<b>0,03</b>
<b>2.5</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>	<b>0,46</b>	<b>0,63</b>	<b>0,46</b>	<b>0,63</b>
<b>2.6</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>				

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở</b>	PN0 <sup>(a)</sup> /PN1 <sup>(a)</sup>	
<b>4</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>	PKT <sup>(a)</sup> /OTC	<b>1,75</b>
<b>4.1</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	CDG/OTC	<b>1,75</b>
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	1,64

4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,11
4.2	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	TTN/OTC	
4.3	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	NTD/OTC	
4.4	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	SMN/OTC	
4.5	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	PNK/OTC	

c) Diện tích đất phải thu hồi:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
1	2	3	4
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>8,48</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>3,28</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	3,28
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>5,20</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,02
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	4,58
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,60
<b>2.3</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	
<b>2.4</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	
<b>2.5</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>	
<b>2.6</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>	

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) do Ủy ban nhân dân quận 6 lập ngày 13 tháng 10 năm 2008 và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân quận 6 lập ngày 13 tháng 10 năm 2008.

**Điều 2.** Duyệt kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 12, quận 6 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>73,12</b>	<b>73,12</b>	<b>73,12</b>	<b>73,12</b>	<b>73,12</b>
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>73,12</b>	<b>73,12</b>	<b>73,12</b>	<b>73,12</b>	<b>73,12</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>40,38</b>	<b>40,34</b>	<b>40,34</b>	<b>40,34</b>	<b>41,05</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	40,38	40,34	40,34	40,34	41,05
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>30,98</b>	<b>31,02</b>	<b>31,02</b>	<b>31,02</b>	<b>30,31</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,35	0,33	0,33	0,33	0,33
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,03	0,04	0,04	0,04	0,04
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	13,01	10,19	10,19	9,56	8,55
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	13,01	10,19	10,19	9,56	8,55
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX					
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	17,59	20,46	20,46	21,09	21,39
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	15,76	17,29	17,29	17,29	17,29
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL					
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,13	0,45	0,45	0,68	0,68

2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,13	0,03	0,03	0,03	0,03
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,13	1,92	1,92	2,32	2,63
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,33	0,33	0,33	0,33	0,33
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,06	0,39	0,39	0,39	0,39
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC					
<b>2.3</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	<b>1,29</b>	<b>1,29</b>	<b>1,29</b>	<b>1,29</b>	<b>1,29</b>
<b>2.4</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	<b>0,02</b>	<b>0,02</b>	<b>0,02</b>	<b>0,02</b>	<b>0,02</b>
<b>2.5</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>	<b>0,46</b>	<b>0,46</b>	<b>0,46</b>	<b>0,46</b>	<b>0,46</b>
<b>2.6</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>					

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
3	<b>Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở</b>						
3.1	Đất trụ sở cơ quan						
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh						
3.3	Đất quốc phòng, an ninh						
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất						



3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa						
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD						
<b>4</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>1,7492</b>		<b>1,0412</b>			<b>0,7080</b>
4.1	Đất chuyên dùng	1,7492		1,0412			0,7080
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp						
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh						
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1,6366		0,9286			0,7080
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	0,1125		0,1125			
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng						
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa						
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD						
4.5	Đất phi nông nghiệp khác						

## 3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Chia ra các năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>8,4839</b>		<b>6,4803</b>		<b>0,6296</b>	<b>1,3740</b>
2.1	<b>Đất ở</b>	<b>3,2845</b>		<b>3,2845</b>			
2.1.1	Đất ở tại nông thôn						
2.1.2	Đất ở tại đô thị	3,2845		3,2845			
2.2	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>5,1994</b>		<b>3,1958</b>		<b>0,6296</b>	<b>1,3740</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	0,0205		0,0205			

2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh						
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	4,5836		2,9404		0,6296	1,0136
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	0,5953		0,2349			0,3604
2.3	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>						
2.4	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>						
2.5	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>						
2.6	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>						

**Điều 3.** Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 6 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 12, quận 6 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5303/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch  
sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 13, quận 6**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 6 tại Tờ trình số 2800/TTr-UBND-TNMT ngày 13 tháng 10 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9059/TTr-TNMT-KH ngày 05 tháng 11 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 13, quận 6 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>84,31</b>	<b>100,00</b>	<b>84,31</b>	<b>100,00</b>

<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>84,31</b>	<b>100,00</b>	<b>84,31</b>	<b>100,00</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>42,42</b>	<b>50,31</b>	<b>40,75</b>	<b>48,33</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	42,42	100,00	40,75	100,00
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>40,18</b>	<b>47,66</b>	<b>41,85</b>	<b>49,64</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,32	0,80	0,45	1,08
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	7,86	19,56	7,87	18,79
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	4,06	10,10	3,39	8,10
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	4,06	100,00	3,39	100,00
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX				
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	27,94	69,54	30,15	72,02
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	18,37	65,75	20,67	68,56
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL				
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	0,32	1,15	0,32	1,06
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	6,25	22,37	6,22	20,62
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	1,29	4,62	1,29	4,28
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,15	4,12	1,09	3,62
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT				
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,50	1,79	0,50	1,66
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT				
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	0,06	0,21	0,06	0,20

2.3	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	<b>1,71</b>	<b>2,03</b>	<b>1,71</b>	<b>2,03</b>
2.4	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>
2.5	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>				
2.6	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>				

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	
2	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		
3	<b>Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở</b>	PN0 <sup>(a)</sup> /PN1 <sup>(a)</sup>	
4	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>	PKT <sup>(a)</sup> /OTC	<b>0,58</b>
4.1	<b>Đất chuyên dùng</b>	CDG/OTC	<b>0,58</b>
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	0,48
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,10
4.2	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	TTN/OTC	
4.3	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	NTD/OTC	
4.4	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	SMN/OTC	
4.5	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	PNK/OTC	

## c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
1	2	3	4
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5,09</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>2,48</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2,48
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>2,61</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,01
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,01
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,77
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	1,82
<b>2.3</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	
<b>2.4</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	
<b>2.5</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>	
<b>2.6</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>	

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) do Ủy ban nhân dân quận 6 lập ngày 13 tháng 10 năm 2008 và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân quận 6 lập ngày 13 tháng 10 năm 2008.

**Điều 2.** Duyệt kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 13, quận 6 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>84,31</b>	<b>84,31</b>	<b>84,31</b>	<b>84,31</b>	<b>84,31</b>
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>84,31</b>	<b>84,31</b>	<b>84,31</b>	<b>84,31</b>	<b>84,31</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>41,32</b>	<b>40,81</b>	<b>40,81</b>	<b>40,81</b>	<b>40,75</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	41,32	40,81	40,81	40,81	40,75
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>41,28</b>	<b>41,79</b>	<b>41,79</b>	<b>41,79</b>	<b>41,85</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,32	0,31	0,45	0,45	0,45
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	7,86	7,87	7,87	7,87	7,87
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	3,80	3,52	3,37	3,37	3,39
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	3,80	3,52	3,37	3,37	3,39
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX					
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	29,29	30,11	30,11	30,11	30,15
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	19,82	20,63	20,63	20,63	20,67
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL					
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,32	0,32	0,32	0,32	0,32
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	6,25	6,22	6,22	6,22	6,22
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	1,29	1,29	1,29	1,29	1,29
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,06	1,09	1,09	1,09	1,09

2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT					
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
<b>2.3</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	<b>1,71</b>	<b>1,71</b>	<b>1,71</b>	<b>1,71</b>	<b>1,71</b>
<b>2.4</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>
<b>2.5</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>					
<b>2.6</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>					

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
3	<b>Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở</b>						
3.1	Đất trụ sở cơ quan						
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh						
3.3	Đất quốc phòng, an ninh						
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất						
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa						
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD						



4	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyên sang đất ở</b>	<b>0,5833</b>	<b>0,3569</b>	<b>0,2264</b>			
4.1	Đất chuyên dùng	0,5833	0,3569	0,2264			
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp						
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh						
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,4848	0,2594	0,2254			
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	0,0987	0,0976	0,0011			
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng						
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa						
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD						
4.5	Đất phi nông nghiệp khác						

## 3. Kế hoạch thu hồi đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Chia ra các năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>5,0895</b>	<b>3,5957</b>	<b>1,2112</b>	<b>0,1457</b>		<b>0,1369</b>
2.1	<b>Đất ở</b>	<b>2,4764</b>	<b>1,5571</b>	<b>0,8578</b>			<b>0,0615</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn						
2.1.2	Đất ở tại đô thị	2,4764	1,5571	0,8578			0,0615
2.2	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>2,6131</b>	<b>2,0386</b>	<b>0,3534</b>	<b>0,1457</b>		<b>0,0754</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	0,0149		0,0149			
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	0,0147		0,0147			
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,7656	0,2594	0,2856	0,1457		0,0749

2.2.4	Đất có mục đích công cộng	1,8182	1,7793	0,0383			0,0006
2.3	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>						
2.4	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>						
2.5	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>						
2.6	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>						

**Điều 3.** Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 6 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 13, quận 6 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5304/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch  
sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 14, quận 6**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 6 tại Tờ trình số 2801/TTr-UBND-TNMT ngày 13 tháng 10 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9060/TTr-TNMT-KH ngày 05 tháng 11 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 14, quận 6 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>42,87</b>	<b>100,00</b>	<b>42,87</b>	<b>100,00</b>

<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>42,87</b>	<b>100,00</b>	<b>42,87</b>	<b>100,00</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>26,45</b>	<b>61,70</b>	<b>24,34</b>	<b>56,78</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	26,45	100,00	24,34	100,00
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>14,53</b>	<b>33,89</b>	<b>16,64</b>	<b>38,82</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,10	0,69	0,13	0,78
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,51	3,51	0,51	3,06
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	3,46	23,81	2,17	13,02
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	3,46	100,00	2,17	100,00
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX				
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	10,46	71,99	13,84	83,14
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	7,93	75,81	10,25	74,07
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	0,04	0,38	0,04	0,29
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT				
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH				
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,01	0,10	0,03	0,25
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	2,46	23,52	3,50	25,32
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT				
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,01	0,10	0,01	0,07
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT				
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	0,01	0,10	0,00	0,00

<b>2.3</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	<b>0,28</b>	<b>0,65</b>	<b>0,28</b>	<b>0,64</b>
<b>2.4</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	<b>0,04</b>	<b>0,09</b>	<b>0,04</b>	<b>0,09</b>
<b>2.5</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>	<b>1,57</b>	<b>3,66</b>	<b>1,57</b>	<b>3,66</b>
<b>2.6</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>				

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

*Đơn vị tính: ha*

<b>Thứ tự</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã</b>	<b>Giai đoạn 2006 - 2010</b>
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở</b>	PN0 <sup>(a)</sup> /PN1 <sup>(a)</sup>	
<b>4</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>	PKT <sup>(a)</sup> /OTC	<b>1,36</b>
<b>4.1</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	CDG/OTC	<b>1,36</b>
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	0,01
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	0,00
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	1,08
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,27
<b>4.2</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	TTN/OTC	
<b>4.3</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	NTD/OTC	
<b>4.4</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	SMN/OTC	
<b>4.5</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	PNK/OTC	

c) Diện tích đất phải thu hồi:

*Đơn vị tính: ha*

<b>Thứ tự</b>	<b>Loại đất phải thu hồi</b>	<b>Mã</b>	<b>Giai đoạn 2006 - 2010</b>
1	2	3	4
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7,72</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>4,45</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	4,45
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>3,26</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,03
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,21
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,29
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	1,73
<b>2.3</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	
<b>2.4</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	
<b>2.5</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>	
<b>2.6</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>	

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) do Ủy ban nhân dân quận 6 lập ngày 13 tháng 10 năm 2008 và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân quận 6 lập ngày 13 tháng 10 năm 2008.

**Điều 2.** Duyệt kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 14, quận 6 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

## 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>42,87</b>	<b>42,87</b>	<b>42,87</b>	<b>42,87</b>	<b>42,87</b>
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>42,87</b>	<b>42,87</b>	<b>42,87</b>	<b>42,87</b>	<b>42,87</b>
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>26,80</b>	<b>25,20</b>	<b>24,30</b>	<b>24,30</b>	<b>24,34</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	26,80	25,20	24,30	24,30	24,34
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>14,18</b>	<b>15,78</b>	<b>16,69</b>	<b>16,69</b>	<b>16,64</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,10	0,10	0,16	0,16	0,13
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,51	0,51	0,51	0,51	0,51
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,43	2,30	2,22	2,22	2,17
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	2,43	2,30	2,22	2,22	2,17
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX					
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	11,14	12,87	13,79	13,79	13,84
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	7,57	9,30	10,22	10,22	10,25
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
2.2.4.3	Đất để chuyên dẫn NL, truyền thông	DNT					
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH					
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,01	0,01	0,01	0,01	0,03

2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	3,50	3,50	3,50	3,50	3,50
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT					
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	0,01	0,01	0,01	0,01	0,00
<b>2.3</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TTN</b>	<b>0,28</b>	<b>0,28</b>	<b>0,28</b>	<b>0,28</b>	<b>0,28</b>
<b>2.4</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>NTD</b>	<b>0,04</b>	<b>0,04</b>	<b>0,04</b>	<b>0,04</b>	<b>0,04</b>
<b>2.5</b>	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>	<b>SMN</b>	<b>1,57</b>	<b>1,57</b>	<b>1,57</b>	<b>1,57</b>	<b>1,57</b>
<b>2.6</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>	<b>PNK</b>					

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
3	<b>Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở</b>						
3.1	Đất trụ sở cơ quan						
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh						
3.3	Đất quốc phòng, an ninh						
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất						
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa						



3.6	Đất sông suối và mặt nước CD						
4	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyên sang đất ở</b>	<b>1,3642</b>	<b>1,0258</b>				<b>0,3384</b>
4.1	Đất chuyên dùng	1,0258				0,3384	0,3384
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	0,0053					0,0053
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	0,0012					0,0012
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1,0837	1,0258				0,0579
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	0,2739					0,2739
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng						
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa						
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD						
4.5	Đất phi nông nghiệp khác						

## 3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Chia ra các năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>7,7197</b>	<b>2.1431</b>	<b>1.7342</b>	<b>2.0677</b>		<b>1,7747</b>
2.1	<b>Đất ở</b>	<b>4,6643</b>	<b>0,7545</b>	<b>1,5951</b>	<b>0,9024</b>		<b>1,4123</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn						
2.1.2	Đất ở tại đô thị	4,6643	0,7545	1,5951	0,9024		1,4123
2.2	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>3,0509</b>	<b>1,3886</b>	<b>0,1347</b>	<b>1,1652</b>		<b>0,3624</b>
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	0,0304		0,0011			0,0293
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh						0,0012

2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1,2936	1,0258	0,1336	0,0763		0,0579
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	1,7256	0,3628		1,0889		0,2739
2.3	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>0,0043</b>		<b>0,0043</b>			
2.4	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>						
2.5	<b>Đất sông suối và mặt nước CD</b>						
2.6	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>						

**Điều 3.** Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 6 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 14, quận 6 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5306/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2008*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000  
cụm công nghiệp Tân Quy - khu B, huyện Củ Chi,  
thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 6994/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi và Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Củ Chi;

Căn cứ Quyết định số 6971/QĐ-QLĐT ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Tân Quy, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 2852/TTr-SQHKT ngày 13 tháng 8 năm 2008 về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Tân Quy - khu B, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (kèm hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Tân Quy - khu B, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi do Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hải Tân lập),

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Tân Quy - khu B, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ quy hoạch chi tiết).

#### **1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

Quy mô khu vực quy hoạch: 103,0691ha, nằm trong phạm vi xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, được xác định theo bản đồ hiện trạng số 30 ngày 31 tháng 5 năm 2004 do Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hải Tân lập ngày 06 tháng 7 năm 2004 và được cập nhật.

Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Phía Đông: giáp đường đất - tiếp giáp xã Hòa Phú.
- Phía Đông Nam: giáp cụm công nghiệp cơ khí ô tô Hòa Phú đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2006.
- Phía Tây: một phần tiếp giáp đường đất, đất nông nghiệp và thổ cư hiện hữu; một phần tiếp giáp Trường Phổ thông Trung học Trung Phú.
- Phía Nam: giáp đường đất, đất nông nghiệp và thổ cư hiện hữu.
- Phía Bắc: một phần giáp Tỉnh lộ 8 và một phần giáp khu dân cư hiện hữu.

#### **2. Lý do và mục tiêu của đồ án quy hoạch:**

##### **2.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:**

Theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6994/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998, Khu Công nghiệp Tân Quy có quy mô khoảng 300ha thuộc xã Trung An, Hòa Phú và Tân Thạnh Đông có tính chất là công nghiệp thông thường ít ô nhiễm về

tiếng ồn, khói bụi, là một trong 7 khu công nghiệp tập trung bố trí trên địa bàn huyện Củ Chi.

Thời gian qua, cụm công nghiệp Tân Quy - khu B thuộc xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt nhưng do nhu cầu đầu tư lớn, đã có nhiều nhà máy, xí nghiệp được xây dựng trong khi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực chưa được đầu tư xây dựng đúng mức, không đảm bảo về giao thông, thoát nước mưa, nước bẩn... ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và cuộc sống của người dân tại đây. Bên cạnh đó, do chưa có quy hoạch chi tiết nên công tác quản lý quy hoạch xây dựng, cấp phép xây dựng công trình cũng khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước, dễ phát sinh tranh chấp, khiếu kiện.

Trước thực trạng đó, cần phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Tân Quy - khu B nhằm sắp xếp, chỉnh trang lại các cơ sở sản xuất, các nhà máy, xí nghiệp một cách hợp lý để thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ hoàn chỉnh, xây dựng tốt các hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh và đồng thời phải đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất cho các xí nghiệp công nghiệp hiện có.

## 2.2. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:

Xác định cơ cấu phân khu chức năng nhằm xây dựng một cụm công nghiệp hợp lý về mặt quy hoạch làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng.

Phục vụ cho việc cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang hay phát triển mới các công trình trong cụm công nghiệp. Tạo điều kiện phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp.

Tổ chức sản xuất thành cụm công nghiệp tập trung trong khuôn khổ kết hợp phát triển kinh tế với sự duy trì môi trường sinh thái bền vững.

Tăng tính hiệu quả trong việc sử dụng đất: hợp lý và tiết kiệm.

Phục vụ công tác quản lý đô thị: lập và xét duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500); xây dựng hệ thống các công trình chuyên ngành, thiết kế, triển khai các dự án đầu tư xây dựng cụ thể theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

## 3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Là cụm công nghiệp tập trung kết hợp cải tạo và xây dựng mới, không gây ô nhiễm (Công nghiệp điện tử, cơ khí, chế biến thực phẩm và các ngành nghề theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010, có tính đến năm 2020”).

#### 4. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

##### 4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Số TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (%)
1	Đất xây dựng nhà máy hiện hữu chỉnh trang	67,9283	65,91	≥ 55
2	Đất trung tâm điều hành - dịch vụ	3,7495	3,63	≥ 1
3	Đất công trình đầu mối kỹ thuật hạ tầng	3,3885	3,29	≥ 1
4	Đất công viên cây xanh - thể dục thể thao, cây xanh cách ly	12,4526	12,08	≥ 10
5	Đất giao thông	15,5502	15,09	≥ 8
	<i>Đất giao thông nội bộ</i>	<i>13,8830</i>		
	<i>Đất bãi đậu xe</i>	<i>1,6672</i>		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>103,0691</b>	<b>100,00</b>	

##### 4.2. Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU	
1	Chỉ tiêu lao động	Người/ha	100	
	Lực lượng lao động dự kiến	Người	6790	
2	Mật độ xây dựng chung	%	≤ 50	
	+ Nhà máy, kho tàng	%	Phù hợp QCVN 01:2008/BXD	
	+ Trung tâm điều hành - dịch vụ	%	≤ 30	
	+ Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	%	≤ 30	
3	Tầng cao xây dựng			
	Nhà máy, kho tàng	Tối đa	Tầng	5
		Tối thiểu	Tầng	1

	Trung tâm điều hành - dịch vụ	Tối đa	Tầng	3
		Tối thiểu	Tầng	1
	Khu kỹ thuật	Tối đa	Tầng	2
		Tối thiểu	Tầng	1
4	Hệ số sử dụng đất chung			$\leq 2$
5	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
	+ Chỉ tiêu cấp nước		m <sup>3</sup> /ha/ngày đêm	40
	+ Chỉ tiêu thoát nước		m <sup>3</sup> /ha/ngày đêm	40
	+ Chỉ tiêu cấp điện		kW/ha	250 - 300
	+ Chỉ tiêu rác thải và vệ sinh môi trường		tấn/ha	0,4

- Về chỉ tiêu mật độ xây dựng tối đa trong từng nhà máy: áp dụng theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Về chỉ giới xây dựng: khoảng lùi xây dựng chung là 3m so với tường rào và tuân theo quy định phòng cháy, chữa cháy. Ngoài ra, do đặc điểm hiện trạng đất xây dựng nhà máy đã được giao cho các doanh nghiệp nên không thể tổ chức dải cây xanh cách ly độc lập giữa cụm công nghiệp và khu dân cư nhưng phải đảm bảo khoảng cách ly tối thiểu 50m từ các công trình sản xuất đến khu dân cư.

Trong khoảng cách ly tối thiểu 50m so với khu dân cư: được phép xây dựng các công trình đường giao thông, dải cây xanh ngăn cách và đường nội bộ nhà máy hoặc các công trình không có mục đích sản xuất công nghiệp (kho, nhà văn phòng, hành chính, nhà bảo vệ, nhà xe...).

### 5. Bố cục phân khu chức năng:

Đất xây dựng nhà máy có diện tích 67,9283ha bao gồm các nhà máy hiện hữu được giữ lại, chỉnh trang và các nhà máy chưa xây dựng nhưng đã có quyết định giao đất của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc đang làm thủ tục giao thuê đất.

Đất khu trung tâm điều hành - dịch vụ có diện tích 3,7495ha, được bố trí ở vị trí đất trống (hiện trạng là rừng cao su) ở phía Đông của cụm công nghiệp, gồm các hạng mục dự kiến: trung tâm hành chính, trung tâm nghiên cứu của cụm công nghiệp, các công trình thương mại - dịch vụ (nhà ăn tập thể, bách hóa tổng hợp, giải trí, ngân

hàng, buro điện, triển lãm...); trạm y tế, câu lạc bộ văn hóa - thể dục thể thao; trạm phòng cháy, chữa cháy nội bộ.

Đất cây xanh có tổng diện tích 12,4526ha, gồm có khu công viên cây xanh - thể dục thể thao nằm về phía Bắc, trên đường vào cụm công nghiệp từ Tỉnh lộ 8 nhằm phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn, thể dục thể thao của công nhân làm việc tại cụm công nghiệp; các công viên cây xanh nhỏ được tận dụng tối đa, triệt để từ các khu đất trống (do hiện trạng khu đất quy hoạch gần như đã được lấp đầy đất xây dựng nhà máy) và cây xanh cách ly nằm trong hành lang an toàn lưới điện cao thế.

Đất công trình kỹ thuật đầu mối có diện tích 3,3885 ha, gồm:

+ Trạm cấp điện: được bố trí ở khoảng giữa cụm công nghiệp, trên đường vào cụm công nghiệp từ Tỉnh lộ 8;

+ Trạm cấp nước: được bố trí ở khoảng giữa cụm công nghiệp, cạnh hành lang an toàn lưới điện cao thế, tận dụng địa hình khu đất cao để đảm bảo cấp nước thuận lợi cho toàn khu vực.

+ Trạm xử lý nước thải và một bờ rác kín: được bố trí ở phía Đông cụm công nghiệp.

## **6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **6.1. Quy hoạch giao thông:**

Quy hoạch mạng lưới đường nội bộ trong cụm công nghiệp như sau:

- Đường số 1 lộ giới 36m với quy mô mặt cắt ngang đường: 5,5m (via hè) + 10,5m (lòng đường) + 4m (dải phân cách) + 10,5m (lòng đường) + 5,5m (via hè).

- Đường số 2 lộ giới 30m với quy mô mặt cắt ngang đường: 4,5m (via hè) + 21m (lòng đường) + 4,5m (via hè).

- Đường số 3; 5; 7 lộ giới 20m với quy mô mặt cắt ngang đường: 4,75m (via hè) + 10,5m (lòng đường) + 4,75m (via hè).

- Đường số 4; 9 lộ giới 18m với quy mô mặt cắt ngang đường: 3,75m (via hè) + 10,5m (lòng đường) + 3,75m (via hè).

- Đường số 8 lộ giới 15m với quy mô mặt cắt ngang đường: 4m (via hè) + 7m (lòng đường) + 4m (via hè).

- Đường số 6: đoạn 1 (từ đường số 1 đến Tỉnh lộ 15) lộ giới 20m với quy mô mặt cắt ngang đường: 4,75m (via hè) + 10,5m (lòng đường) + 4,75m (via hè); đoạn 2 (từ đường số 1 đến đường số 4) lộ giới 15m với quy mô mặt cắt ngang đường: 4m (via hè) + 7m (lòng đường) + 4m (via hè).



## 6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

### + Giải pháp quy hoạch chiều cao:

- San ủi tại chỗ nền đất hiện hữu và hoàn thiện mặt phủ đồng thời với các giải pháp tiêu thoát nước mặt.

- Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất,  $H = 6.5m \div 8.5m$ .

### - Độ dốc thiết kế:

• Khu công nghiệp và khu ở:  $\geq 0,4\%$

• Khu công viên cây xanh:  $\geq 0,3\%$

### + Giải pháp quy hoạch thoát nước:

- Tổ chức thoát riêng hệ thống nước bản và mưa.

- Cải tạo mương đất hiện hữu thành tuyến cống hộp thoát nước chính cho khu vực.

- Xây mới các tuyến cống nhánh thu nước từ các tiểu khu, bố trí theo đường giao thông thẳng góc và thoát trực tiếp vào tuyến cống hộp (được cải tạo từ mương đất), kích thước các tuyến cống biến đổi từ  $\text{P}600$  đến  $\text{P}1500\text{mm}$ .

- Sử dụng cống bê tông cốt thép đặt ngầm, kích thước cống tính toán theo chu kỳ tràn cống  $T = 3$  năm, độ sâu chôn cống tối thiểu  $H_c = 0,7\text{m}$ , độ dốc cống được lấy đảm bảo khả năng tự làm sạch  $I \geq 1/D$ .

Lưu ý: nội dung chi tiết về kỹ thuật tổ chức nền và thoát nước mưa trong phạm vi ranh dự án đề nghị nghiên cứu đề xuất cụ thể trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo của dự án và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

## 6.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22kV Phú Hòa Đông, dài hạn sẽ được cấp từ trạm 110/15-22kV Tân Quy.

- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4kV, sử dụng máy biến áp 3 pha, đặt kín trong phòng, dung lượng máy biến áp sẽ được xác định cụ thể khi xây dựng xí nghiệp, nhà máy.

- Xây dựng mới hệ thống trung và hạ thế sử dụng cáp ngầm, bọc cách điện XLPE, tiết diện các loại, chôn ngầm trong đất.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn cao áp Sodium 150W  $\div$  250W - 220V, đặt trên trụ thép tráng kẽm.

#### 6.4. Quy hoạch cấp nước:

- Giai đoạn đầu sử dụng nguồn nước ngầm khai thác tại chỗ, nước được xử lý đạt tiêu chuẩn nước cấp sinh hoạt, tuy nhiên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan chuyên ngành, giai đoạn dài hạn dùng nguồn nước máy thành phố từ Nhà máy nước Kênh Đông.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Nước chữa cháy: 10 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 2 đám cháy.

+ Nước khu công nghiệp tập trung: 40 m<sup>3</sup>/ha/ngày.

+ Tổng nhu cầu dùng nước bổ sung: 1.727 - 2.111 m<sup>3</sup>/ngày, tổng nhu cầu dùng nước toàn khu 3.737 - 4.111 m<sup>3</sup>/ngày.

- Phương án bố trí thiết kế mạng lưới cấp nước mới dạng mạng vòng kết hợp các nhánh cụt, tuy nhiên trong giai đoạn dài hạn khi có hệ thống cấp nước thành phố sẽ nghiên cứu bổ sung điều chỉnh cho phù hợp.

#### 6.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước bản:

- Chỉ tiêu thoát nước thải:

+ Nước khu công nghiệp: 40 m<sup>3</sup>/ha/ngày.

+ Tổng nhu cầu thoát nước: 3.523 - 3.876 m<sup>3</sup>/ngày.

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, nước thải được tập trung về trạm xử lý cục bộ, xử lý đạt tiêu chuẩn loại B - TCVN 5945-1995 trước khi thoát ra tuyến cống hợp thoát nước mưa, giai đoạn hoàn chỉnh phải đạt loại A - TCVN 5945-1995.

- Thiết kế mạng lưới thoát nước hợp lý, đảm bảo thoát nước cho khu quy hoạch.

b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn rác thải công nghiệp: 0,4 tấn/ha/ngày và tổng lượng rác thải tương ứng: 27 tấn/ngày.

- Phương án xử lý rác thải: rác thải được thu gom và vận chuyển về khu xử lý rác thành phố tại xã Tam Tân, huyện Củ Chi.

#### 6.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:

Việc bố trí sắp xếp các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công từng dự án cụ thể, đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Tân Quy - khu B, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi được duyệt:

- Giao Sở Công Thương phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi nhanh chóng lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tân Quy - khu B.

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xác định quy mô, vị trí và chủ đầu tư xây dựng khu nhà ở tái định cư và nhà ở công nhân cho người lao động làm việc tại cụm công nghiệp Tân Quy - khu B.

- Giao Sở Công Thương chủ trì chỉ đạo đơn vị chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tân Quy - khu B phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Sở Xây dựng rà soát tình hình xây dựng của các nhà máy hiện hữu và yêu cầu thực hiện chỉnh trang theo đúng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được duyệt. Trường hợp phải điều chỉnh ranh giới, quy mô các nhà máy đã được giao đất cho phù hợp quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được duyệt: giao Sở Công Thương chỉ đạo đơn vị chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tân Quy - khu B hướng dẫn các doanh nghiệp liên hệ Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Sở Tài nguyên và Môi trường làm thủ tục điều chỉnh đúng quy hoạch được duyệt.

- Giao Sở Công Thương kiểm soát các ngành nghề đầu tư vào cụm công nghiệp, kiểm soát công nghệ sản xuất và quy trình xử lý ô nhiễm để đảm bảo các tiêu chí về tính chất, chức năng của cụm công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của thành phố và hạn chế ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Giám đốc Ban Quản lý dự án Khu vực đầu tư xây dựng huyện Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**QUẬN 5**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2008/QĐ-UBND

*Quận 5, ngày 09 tháng 12 năm 2008*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định trình tự và thủ tục  
cung cấp thông tin quy hoạch - kiến trúc đối với các dự án nhà ở  
trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn quận 5**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành Quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ, tác phong của cán bộ, công chức trong các lĩnh vực thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Thực hiện theo Thông báo số 2220/TB-SQHKT ngày 03 tháng 8 năm 2006; Thông báo số 2030/TB-SQHKT ngày 04 tháng 6 năm 2008 và Công văn số 2336/SQHKT-QHC&HT ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về cung cấp thông tin quy hoạch - kiến trúc;

Xét ý kiến thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại Công văn số 120/TP-VB ngày 08 tháng 9 năm 2008 của Phòng Tư pháp quận 5;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận 5 tại Tờ trình số 2764/TTr-QLĐT ngày 05 tháng 12 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự và thủ tục cung cấp thông tin quy hoạch - kiến trúc đối với các dự án nhà ở trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn quận 5.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5, Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận 5, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 5, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường quận 5 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Thảo**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về trình tự và thủ tục cung cấp thông tin về quy hoạch - kiến trúc  
đối với các dự án nhà ở trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn quận 5**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

### **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định cụ thể về thủ tục hành chính và thẩm quyền cung cấp văn bản thông tin quy hoạch xây dựng trên địa bàn quận 5.
2. Các dự án nhà ở (chung cư, biệt thự, nhà liên kế) thuộc khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã phê duyệt (kể cả các khu vực đang tiến hành lập điều chỉnh quy hoạch).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan và cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân quận 5 được phân công giải quyết các thủ tục hành chính trong việc cung cấp thông tin về quy hoạch kiến trúc trên địa bàn quận 5.
2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có nhu cầu giải quyết các thủ tục hành chính trong việc cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng trên địa bàn quận 5.

### **Chương II** **CÔNG KHAI QUY HOẠCH XÂY DỰNG**

**Điều 3.** Phòng Quản lý đô thị quận 5, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5 và Ủy ban nhân dân 15 phường có trách nhiệm công khai sơ đồ, mô hình, bản vẽ quy hoạch xây dựng trên địa bàn quận 5 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Chương III**  
**CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUY HOẠCH**  
**KIẾN TRÚC BẰNG VĂN BẢN**

**Điều 4. Quy định về thủ tục hành chính phục vụ cung cấp thông tin về quy hoạch kiến trúc bằng văn bản**

1. Mục đích: văn bản thông tin quy hoạch nhằm xác định các chức năng sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cơ bản trên vị trí khu đất dự kiến đầu tư làm cơ sở cho các công tác như sau:

- a) Lập nhiệm vụ quy hoạch và lập dự án đầu tư;
- b) Công tác giao, thuê và chuyển mục đích sử dụng đất;
- c) Công tác định giá, đấu giá quyền sử dụng đất tại quận 5;
- d) Thiết kế công trình xây dựng;
- e) Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500;
- f) Làm cơ sở cho công tác thẩm định thiết kế cơ sở và cấp phép xây dựng.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch kiến trúc bằng văn bản (nộp 01 bộ tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5):

- a) Văn bản đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc (theo mẫu 1);
- b) Bản đồ hiện trạng vị trí khu đất tỷ lệ 1/500 (hoặc 1/200) do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện, thời hạn chưa quá 02 năm (bản chính hoặc bản sao y có chứng thực của các cơ quan thẩm quyền).
- c) Các giấy tờ về pháp lý đất như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao đất... (bản sao y có chứng thực của các cơ quan có thẩm quyền) nếu có.
- d) Phương án thiết kế sơ phác 01 bộ (nếu có) gồm:
  - Phối cảnh màu, các mặt đứng, các mặt bằng, tổng mặt bằng, mặt cắt (tỷ lệ 1/200 hoặc 1/100) (đối với các công trình kiến trúc đơn lẻ).
  - Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/500) có bảng cân bằng đất đai và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cơ bản (đối với các dự án đầu tư có nhiều công trình đơn lẻ và nhiều chức năng sử dụng đất khác nhau: công cộng, nhà ở, cây xanh, giao thông...).

3. Văn bản cung cấp thông tin về quy hoạch kiến trúc bao gồm các nội dung chính như sau:

a) Các thông tin về quy hoạch sử dụng đất theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt: chức năng sử dụng đất và cơ cấu sử dụng đất, chức năng công trình xây dựng;

b) Chi giới xây dựng, chi giới đường đỏ;

c) Các thông tin khác có liên quan đến quy hoạch xây dựng căn cứ theo nội dung đồ án quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt: mật độ xây dựng; hệ số sử dụng đất; chiều cao tối đa, chiều cao tối thiểu; các quy định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, an toàn phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; các quy định về hệ thống hạ tầng xã hội: quy mô dân số, trường học...; các quy định khác về cảnh quan kiến trúc (phong cách kiến trúc, màu sắc, vật liệu...);

d) Thời hạn có hiệu lực của văn bản thông tin quy hoạch kiến trúc.

4. Thời gian giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc từ khi nhận được đầy đủ các hồ sơ theo quy định, (thời gian thụ lý không tính thời gian gửi Sở, ngành có ý kiến nếu dự án liên quan đến chuyên ngành).

#### **Điều 5. Quy định chung về cung cấp văn bản thông tin về quy hoạch kiến trúc**

Nội dung của văn bản thông tin quy hoạch căn cứ vào nội dung đồ án quy hoạch và các quy định quản lý kiến trúc quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các dự án có công trình phải thi tuyển thiết kế kiến trúc theo quy định hiện hành, cơ quan cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc phải báo cáo xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận trước khi ban hành văn bản thông tin quy hoạch kiến trúc.

Trong trường hợp các pháp lý quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt không đủ căn cứ để cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng đầy đủ theo Điều 4 của Quy định này, cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc gửi văn bản cung cấp các thông tin pháp lý quy hoạch có được và đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức yêu cầu cung cấp văn bản thông tin quy hoạch xây dựng lập phương án thiết kế sơ bộ để thỏa thuận kiến trúc quy hoạch (theo quy định tại Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng) trước khi cung cấp văn bản thông tin quy hoạch chính thức.



**Điều 6. Quy định sau khi cung cấp thông tin về quy hoạch kiến trúc**

Văn bản thông tin quy hoạch kiến trúc được cung cấp cho các cá nhân, tổ chức yêu cầu và lưu trữ tại các cơ quan sau: Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân quận 5, Phòng Quản lý đô thị quận 5, Ủy ban nhân dân phường tại vị trí cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc.

**Chương IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 7. Trách nhiệm của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5**

1. Công khai thông báo thời gian tiếp nhận hồ sơ và thời gian trả kết quả cung cấp thông tin về quy hoạch kiến trúc.

2. Người được phân công tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm:

a) Đối chiếu hồ sơ thành phần hồ sơ theo Quy định này; trong trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa đúng theo quy định, phải hướng dẫn nộp hồ sơ, giấy tờ phải bổ sung, hoàn chỉnh.

b) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ theo quy định, phải tiếp nhận và viết phiếu tiếp nhận hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trong phiếu tiếp nhận hồ sơ phải ghi rõ nội dung: đã nhận đủ hồ sơ theo quy định, thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ.

c) Trả kết quả theo thời gian và địa điểm ghi trong phiếu tiếp nhận hồ sơ.

3. Quy định này được niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân quận 5.

**Điều 8. Trách nhiệm của người ký duyệt và cán bộ thụ lý hồ sơ**

1. Người được phân công thụ lý hồ sơ có trách nhiệm:

a) Đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 4, Điều 4, Chương III của Quy định này.

b) Phòng Quản lý đô thị quận 5 có trách nhiệm bảo quản hồ sơ, sau 06 tháng chuyển bàn giao cho bộ phận lưu trữ theo quy định.

2. Người có thẩm quyền ký văn bản trả lời cung cấp thông tin quy hoạch có trách nhiệm:

a) Xem xét, ký văn bản đúng thời hạn.

b) Cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc bằng văn bản cho các cá nhân, tổ chức trong thẩm quyền được phân cấp.

**Điều 9. Trách nhiệm của các chủ đầu tư**

1. Tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin quy hoạch có trách nhiệm kê khai và cung cấp đầy đủ, chính xác nội dung, thành phần hồ sơ theo quy định.

2. Cung cấp bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu hướng dẫn bổ túc (nếu có) của Phòng Quản lý đô thị quận 5.

**Điều 10.**

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cá nhân và tổ chức có liên quan phản ánh để Phòng Quản lý đô thị quận 5 tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận 5 giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Thảo**

**QUẬN 8****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2008/CT-UBND

Quận 8, ngày 16 tháng 12 năm 2008

**CHỈ THỊ****Về tổ chức đón Tết Nguyên đán Kỷ Sửu 2009**

Trước những khó khăn phức tạp do tình hình lạm phát tăng cao; thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh diễn ra liên tiếp gây thiệt hại lớn đối với sản xuất và đời sống nhân dân; song, với sự nỗ lực, đoàn kết nhất trí vượt qua nhiều thử thách, khó khăn, quận đã cơ bản hoàn thành nhiều nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng. Bước vào năm 2009, bên cạnh những thuận lợi, sẽ có nhiều thử thách trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và tác động đến đời sống trong nhân dân... Vì vậy, để tổ chức tốt việc đón Tết Nguyên đán Kỷ Sửu năm 2009 tại quận theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố về tiếp tục thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Đảng bộ quận và Nghị quyết kỳ họp thứ 15 Hội đồng nhân dân quận 8 khóa IX; thực hiện Chỉ thị số 23/2008/CT-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức đón Tết Nguyên đán Kỷ Sửu 2009, Ủy ban nhân dân quận 8 yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo sau:

**1. Tết Nguyên đán Kỷ Sửu năm 2009 phải được tổ chức theo phương châm “Tết an toàn, tiết kiệm, vui tươi, lành mạnh”, đảm bảo Tết đến với mọi nhà, mọi người;** do đó phải tập trung các biện pháp nhằm chăm lo chu đáo đời sống vật chất và văn hóa cho các tầng lớp nhân dân quận 8, nhất là các gia đình chính sách, cán bộ hưu trí, đồng bào nghèo, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công nhân, lao động.

**1.1.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường phải chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quận và phường tổ chức vận động nhân dân phát huy truyền thống tương thân, tương trợ; tổ chức thăm hỏi, chăm lo các gia đình chính sách, lực lượng vũ

trang, cán bộ, công chức, viên chức và những hộ gia đình nghèo có điều kiện vui Tết trong không khí đầm ấm, nghĩa tình, đoàn kết.

**1.2.** Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục thể thao quận 8 xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc, truyền thống dân tộc phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân địa phương.

**1.3.** Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 cần làm tốt công tác định hướng tuyên truyền Tết Kỷ Sửu 2009; nội dung tuyên truyền phải gắn với các hoạt động kỷ niệm 79 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2009) và cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, gắn với chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chỉ đạo các đội văn nghệ xung kích của Trung tâm Văn hóa quận 8 phối hợp với Liên đoàn Lao động và Quận Đoàn tập trung phục vụ nhân dân trên địa bàn quận, các trung tâm cai nghiện, dạy nghề có học viên quận 8 đang theo học.

**1.4.** Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 8 chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế, Liên đoàn Lao động, Quận Đoàn và Ủy ban nhân dân các phường hướng dẫn và theo dõi việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động trong các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có đông công nhân, lao động; nắm chắc tình hình đời sống, sinh hoạt của công nhân; phối hợp giải quyết kịp thời và nhanh chóng các vụ đình công, không để ảnh hưởng đến tình hình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và an ninh trật tự trên địa bàn; phối hợp tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm chăm lo cho công nhân không có điều kiện về quê ăn Tết. Xây dựng kế hoạch chăm lo Tết các đối tượng chính sách thật cụ thể; quan tâm, tổ chức thăm, hỗ trợ những người sau cai nghiện đã tái hòa nhập cộng đồng chưa có việc làm và thu nhập ổn định.

**1.5.** Trưởng Phòng Kinh tế quận 8 phối hợp với Ủy ban nhân dân phường 13, 14 và các ngành chức năng quận kiểm tra, giám sát việc tổ chức các điểm kinh doanh hoa - cá kiểng trên địa bàn phường 13, 14 theo đúng tinh thần Công văn số 6777/UBND-KT ngày 24 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 8.

**2. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; kiên quyết đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu, chống hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ sức khỏe nhân dân:**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường triển khai thực hiện nghiêm Công văn số 7146/UBND-VP ngày 15 tháng 12

năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán Kỷ Sửu 2009.

**3. Đảm bảo ổn định tình hình an ninh chính trị - trật tự xã hội, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ và mỹ quan đô thị trong thời gian trước, trong và sau Tết:**

**3.1. Trưởng Công an quận 8:**

- Chủ trì phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy quận 8 và Ủy ban nhân dân các phường chỉ đạo kiểm tra các doanh nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện, trung tâm thương mại, chợ đầu mối Bình Điền, các chợ truyền thống, các khu dân cư có nguy cơ cháy cao, xây dựng phương án phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tăng cường công tác tuần tra bảo vệ phòng cháy, chữa cháy trong những ngày nghỉ.

- Phối hợp với Phòng Quản lý đô thị quận 8, Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8, Thanh tra Xây dựng quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường tổ chức tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy định cấm buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và đốt pháo, không cờ bạc, rượu chè, không mê tín dị đoan; tập trung xử lý tình trạng lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè để buôn bán, đậu xe, làm bãi giữ xe trái phép.

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quận 8, các ngành chức năng và Công an các phường sử dụng lực lượng tại chỗ bố trí lực lượng giải quyết nhanh ùn tắc giao thông trong giờ cao điểm.

**3.2. Trưởng Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng quận 8** phối hợp với các ngành chức năng, chủ đầu tư các dự án trên địa bàn có kế hoạch cụ thể đối với vấn đề giải quyết tái định cư cho những người dân trong các dự án đã giải tỏa, giải phóng mặt bằng để người dân yên tâm đón Tết.

**3.3. Trưởng Công an quận 8** chủ trì phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận 8, Tiểu đoàn 4 Cảnh sát cơ động Công an thành phố và Công an các phường tăng cường chỉ đạo mở cao điểm tấn công các loại tội phạm, giải quyết tệ nạn xã hội; bố trí lực lượng tuần tra bảo vệ an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng trên địa bàn; ngăn chặn và xử lý nghiêm tệ đua xe trái phép, cờ bạc, mại dâm, ma túy, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn quận 8.

**3.4. Giám đốc Công ty Dịch vụ công ích quận 8** có kế hoạch giải quyết tốt việc thu gom, vận chuyển rác và vệ sinh trên địa bàn quận, đảm bảo mỹ quan đô thị trong

những ngày Tết; riêng tại các chợ, điểm bán hoa kiểng, v.v... phải giải quyết trước 22 giờ 00 ngày 25 tháng 01 năm 2009 (30 Tết).

**3.5.** Trưởng Phòng Y tế quận 8 phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng phương án kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, nhất là tại các bếp ăn tập thể, các đơn vị cung ứng suất ăn công nghiệp, hạn chế tối đa xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm; tiếp tục thực hiện các biện pháp ngăn chặn dịch tiêu chảy cấp xảy ra trên địa bàn quận; chỉ đạo Bệnh viện quận 8 và Trung tâm Y tế Dự phòng quận 8 bố trí đội ngũ y, bác sĩ trực cấp cứu 24/24, bảo đảm tốt việc cấp cứu, điều trị tại bệnh viện trong các ngày Tết, không để xảy ra thiệt mạng do bất cẩn hoặc chậm xử lý.

**3.6.** Trưởng Trạm Thú y quận 8 phối hợp với các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân 16 phường triển khai kế hoạch tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đúng quy định về kinh doanh, tiêu thụ gia súc, gia cầm và các sản phẩm gia cầm, nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp các ngành có liên quan thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận 8 về công tác phòng, chống dịch động vật, không để xảy ra các loại dịch bệnh trên địa bàn quận.

**3.7.** Ủy ban nhân dân 16 phường, các cơ quan, đơn vị tổ chức làm tổng vệ sinh, dọn dẹp đường phố, cơ quan sạch đẹp. Giám đốc Công ty Dịch vụ công ích quận 8 phối hợp với Ủy ban nhân dân phường 3, phường 7 tổ chức chăm sóc Bia truyền thống phường 3, Đài liệt sĩ phường 7, Nhà tưởng niệm Bác Tôn tại Đình Bình Đông... để nhân dân đến thăm viếng trong dịp Tết.

**4. Tổ chức tổng kết năm 2008, triển khai nhiệm vụ năm 2009 thật gọn, chu đáo, không phô trương hình thức, nghiêm cấm sử dụng công quỹ để tổ chức liên hoan, quà cáp, biếu xén:**

**4.1.** Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân 16 phường tổ chức tổng kết năm 2008 và triển khai nhiệm vụ năm 2009 chậm nhất vào đầu tháng 01/2009 trên tinh thần gọn nhẹ không phô trương lãng phí. Tiếp tục tổ chức thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là tiết kiệm trong tiêu dùng (điện, xăng dầu), tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, tổng kết cuối năm, họp mặt đón mừng năm mới.

**4.2.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường phải thực hiện nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Chính phủ và các quy định của Đảng về nghiêm cấm sử dụng tiền của Nhà nước, tập thể hoặc tiền có nguồn gốc từ ngân sách để tổ chức liên hoan, quà cáp, biếu xén dưới mọi hình thức; có trách nhiệm

kiểm tra và xử lý tập thể, cá nhân vi phạm và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận 8 khi để xảy ra vi phạm ở cơ quan, đơn vị mình.

5. Ngay sau nghỉ Tết, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường phải nhanh chóng đưa sản xuất - kinh doanh, công tác, học tập... trở lại hoạt động bình thường, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội ngay từ tháng đầu, quý đầu năm; phê phán kiểm điểm nghiêm khắc tệ ăn Tết kéo dài, không đảm bảo biên chế và thời gian làm việc của các cơ quan, đơn vị.

Giao Trưởng Phòng Nội vụ thành lập các Tổ Kiểm tra tiến hành kiểm tra việc thực hiện theo Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, ngay trong sáng mùng 5 Tết.

## **6. Tổ chức thực hiện:**

6.1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quận tăng cường phối hợp để tổ chức phục vụ Tết thật chu đáo, tiết kiệm.

6.2. Thủ trưởng các các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và Giám đốc các doanh nghiệp theo thẩm quyền và nhiệm vụ, tổ chức triển khai và phối hợp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, báo cáo kịp thời các trở ngại phát sinh và đề xuất Ủy ban nhân dân quận 8 xem xét giải quyết.

6.3. Giao Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8 căn cứ Chỉ thị này, tham mưu Ủy ban nhân dân quận 8 xây dựng Kế hoạch tổ chức Tết Nguyên đán Kỷ Sửu 2009 trình Ủy ban nhân dân quận xem xét trước ngày 20 tháng 12 năm 2008.

6.4. Thủ trưởng các các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường phân công cán bộ trực trong các ngày nghỉ Tết và thường xuyên thông tin báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận 8 thông qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8, như sau:

a) Thông tin và báo cáo nhanh hàng ngày các hoạt động những ngày Tết kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2009 (22 tháng 12 âm lịch).

b) Báo cáo tóm tắt tình hình Tết, có nhận định đánh giá gửi trước 9 giờ ngày 25 tháng 01 năm 2009 (30 Tết).

c) Báo cáo hoạt động đón Xuân vui Tết của nhân dân quận gửi về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8 trước 16 giờ, ngày 27 tháng 01 năm

2009 (mùng 2 Tết) để kịp tổng hợp báo cáo Quận ủy và Ủy ban nhân dân thành phố vào sáng ngày 28 tháng 01 năm 2009 (mùng 3 Tết).

Chỉ thị này được phổ biến đến các cơ quan, đơn vị, đoàn thể quận 8, các doanh nghiệp trực thuộc, Ủy ban nhân dân 16 phường để thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Chung**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [t tcb@tphcm.gov.vn](mailto:t tcb@tphcm.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**